TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST Ngày 08-5-2025 V/v tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tuấn Kiệt

2. Ông Trần Phạm Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh ngày 18/9/1988

Đăng ký thường trú: Số A, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chổ ở hiện nay: Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Lê Minh H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số A, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà T và ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày: Năm 2004, bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Minh H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh An Giang ngày 21/02/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 03 - 04 năm nay ông H bắt đầu thay đổi tính tình, thường xuyên nhậu nhẹt kiếm chuyện chửi bới đánh đập vợ con, sự việc nhiều lần bà T trình báo lên Công an P, thành phố B, Công an hoà giải nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên

bà T đã dẫn 02 con ra ở riêng khoảng 02 tháng nay, trong thời gian bà T ra ở riêng thì ông H cũng không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn hăm doạ đánh đập bà T, nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà T kiên quyết ly hôn với ông H.

Bà T và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Thúy H1, sinh ngày 13/11/2004 và Lê Hữu T1, sinh ngày 01/8/2007, các cháu đang sống với bà T, cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành khoẻ mạnh phát triển bình thường nên bà T không yêu cầu giải quyết, đối với cháu T1 bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà T không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Minh H trình bày: Ông Lê Minh H và bà Lê Thị Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2004 và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh An Giang ngày 21/02/2008. Trong quá trình chung sống ông H và bà T cũng có xảy ra cãi vã do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, nên bà T dẫn 02 con bỏ nhà đi ra sống riêng hơn 02 tháng nay. Do còn thương vợ con nên ông H không đồng ý ly hôn với bà T, ông H không trình bày ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng, không trình bày ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T ly hôn với ông H. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hữu T1, sinh ngày 01/8/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; đối với con chung Lê Thị Thúy H1, sinh ngày 13/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và khoẻ mạnh phát triển bình thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn", bị đơn ông H đang cư trú tại Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên đây là vụ án tranh chấp ly

hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Năm 2004, bà T và ông H tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh An Giang ngày 21/02/2008, nên hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T và ông H đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vả do ông H nhiều lần nhậu nhẹt và bà T đã ra sống riêng 02 tháng nay cùng với 02 con. Bên cạnh đó, theo Biên bản xác minh chính quyền địa phương ngày 28/3/2025 cũng xác định vợ chồng ông H và bà T chung sống xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương cũng khuyên ngăn nhưng bà T không muốn sống chung với ông H nên bà T đã dẫn 02 con bỏ nhà đi, vợ chồng không còn chung sống. Như vậy, sự việc vợ chồng ông H và bà T chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống chung là có xảy ra trên thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung, ông H cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T kiên quyết xin ly hôn ông H do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà T ly hôn ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Lê Thị Thúy H1, sinh ngày 13/11/2004 và Lê Hữu T1, sinh ngày 01/8/2007, các cháu đang sống với bà T, cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành khoẻ mạnh phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu T1 có nguyện vọng sống chung với bà T và bà T cũng yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông H được thăm nom con chung theo Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà T bà ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông H khôngcó nợ chung nên xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Lê Minh H. Cho Lê Thị Thanh T được ly hôn ông Lê Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hữu T1, sinh ngày 01/8/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; đối với con chung tên Lê Thị Thúy H1, sinh gày 13/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và khoẻ mạnh phát triển bình thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Minh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000129 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- UBND xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt